


# CITY GRIP

CITYGRIP

**Overshoe** v ự ớ c **kéo trên băng và**
t u yế t

- Thành phần : cao su và gai thép
- và ngã trên b ề mặt băng giá
- Phù h ợp v ớ
- vừa vặn co giãn
- Kích thư ớc đa dạn g t ừ : S(34-38) - M(39-45) - L(44-48)

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Cao su (NBR) |
| | SAU ĐÓ |
| Đ | SAU ĐÓ |
| đế g | SAU ĐÓ |
| Đ | Cao su (NBR) + gai thép |
| Đứng đầ | SAU ĐÓ |
| Phạm vi kích thước | EU S34-38-X44-48 |
| thép | 0.074 kg |
| | CTC Expert statement according to the CTC CE C 003_c evaluat |
| | UKCA Certificate (UK Conformity Assessed) For Footwear<br>CTC Expert statement according to the CTC CE C 003_c evaluat<br>DCTU OVERSHOE (Ukraine) |



**Tiger Grip công** nghệ
Tiger Grip **năng**
**và khô**



làm từ hợp chất **cao su** và có các **hoa văn cũng** như đường rãnh cụ thể để **bám và** độ ổn định.



BLK



**Công** nghiệp **n:**
Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
Bề mặt cự c mịn , **Có** t u yế t **và băng giá,** b è mặt **không** bắn g phẩn g

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ **giày, chúng tôi khuyên** bạn **nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bẩn **phải** c **phù** h **Không** trên lò s

K

| | Sự **miêu** t ả | ả | ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q |
|---|---|---|---|
| **goài** Đ | **Cao su (NBR) + gai thép** | | |
| | Ch ố n **mài mòn** ( ngoài ( | ? 150 | N/A mm |
| | Chư ố trc gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề **phía** t | ? 0.31 | N/A ma sát |
| | rư ợt có ớt bảng - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề **phía** t | ? 0.36 | N/A ma sát |
| | rư ợt **SR** - G ợt m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t | ? 0.19 | N/A ma sát |
| | Chư ố trơn **SR** - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t | ? 0.22 | N/A ma sát |
| | rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | N/A megaohm |
| | rị ESD Giá t | 0.1 - 100 | N/A megaohm |
| | Hấp thụ năng l ở **gót chân** củ | ? 20 | N/A J |
| Đ ướ n g đã | **SAU ĐÓ** | | |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 100J)** | N/A | N/A mm |
| | Mũi bảo h ộ ch ố n g **nén** (kh oản g h ở **sau khi nén 10kN)** | N/A | N/A mm |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 200J)** | N/A | N/A mm |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g **nén** (kh oản g h ở **sau khi nén 15kN)** | N/A | N/A mm |

kích thước thép: 42

a chúng tôi **Không** có thể **và** nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và **không** được **sao chép** dưới dạng nào mà **không** có **bằng** văn bản ủ

**hân sinh** thái:

| | Sự **miêu** t ả | ả | ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q |
|---|---|---|---|
| i **CO#hát** thả | | | |
| | V ật l iệu | | 0.56 kg |
| | Bao bì | | 0.02 kg |
| | ất Sản x u | | 1.90 kg |
| | Chuyên ch ở | | 0.26 kg |
| | | | **2.73 kg CO2/**cặp |

| | Sự **miêu** t ả | ả | ế t K u q |
|---|---|---|---|
| ệ vật l | Tiệ **tái** ch ế | | |
| | Product | | 0% |
| | Bao bì | | 86% |

Tính toán CO2:
rị được **Các giá** tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng **các** công cụ tính

Hướng dẫn **kích** thước:

| Sizes | S | | | | | M | | | | | L | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| EU | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 |
| UK | 2,5 | 3 | 3,5 | 4 | 5 | 6 | 6,5 | 7 | 8 | 9 | 10 | 10,5 | 11 | 12 | 13 |
| US Woman | 4,5 | 5,5 | 6 | 6,5 | 7,5 | 8 | 9 | 9,5 | 10,5 | 10,5+ | | | | | |
| US Men | 2 | 3 | 4 | 4,5 | 5,5 | 6,5 | 7,5 | 8 | 9 | 10 | 10,5 | 11,5 | 12 | 13 | 13,5 |
| JPN | 21 | 21,5 | 22,5 | 23 | 24 | 25 | 25,5 | 26 | 26,5 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 31,5 |
| KOR | 225 | 230 | 235 | 240 | 250 | 255 | 260 | 265 | 270 | 280 | 285 | 295 | 300 | 310 | 315 |